

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-10-2018

Về việc ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thúy An.

2. Ông Danh Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm 1986; địa chỉ: KP 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1983; địa chỉ: KP1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt lần 2 không lý do).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Quỹ tín dụng nhân dân T; địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện hợp pháp là ông A- Chủ tịch Hội đồng quản trị (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L trình bày:* Chị L và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào ngày 30/3/2005. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn, anh H không lo làm ăn, rượu chè say xỉn, đã nhiều lần chị H khuyên nhưng anh H không sửa đổi, nhiều lần anh H uống rượu về chửi mắng, đánh đập vợ con; cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị L không thể chịu đựng được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Anh chị hiện tại có 02 người con chung là K, sinh ngày 05/5/2005, giới tính nam và B, sinh ngày 31/7/2013, giới tính nam; hiện nay K và B đang sống chung với chị L, chị L yêu cầu được nuôi cả hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị có nợ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T số tiền 90.000.000 đồng, chị L tự thỏa thuận trả cho Quỹ tín dụng, không yêu cầu anh H cùng trả.

** Bị đơn là anh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T có đơn xin vắng mặt đề ngày 31/8/2018. Tại tòa tụng trình ngày 23/8/2018, Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T có ý kiến: Số nợ 90.000.000 đồng thỏa thuận một mình chị L trả, vì thế không yêu cầu gì trong vụ án này.*

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị L thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.*

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; đồng thời giao cháu K và B cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L và anh H đăng ký kết hôn năm 2005 nên pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng. Chị L có yêu cầu xin ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh H nhưng anh H vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh H.

Chị L yêu cầu được ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị L và anh H là tranh chấp “*Về việc ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 30/3/2005, chị L và anh H đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị L và anh H xảy ra mâu thuẫn. Theo chị L trình bày là do anh H không lo làm ăn, thường xuyên nhậu về chửi mắng, đánh đập vợ con, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh H vẫn không lo làm ăn, chỉ tụ tập đi chơi, uống rượu; chị L thấy không thể tiếp tục tình trạng vợ chồng sống không hạnh phúc nên thực hiện quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử, nhưng anh H đều vắng mặt không lý do. Việc anh H cố tình vắng mặt là đã tự đánh mất quyền trình bày ý kiến của mình, mất đi cơ hội được hòa giải hàn gắn và tranh luận về nội dung vụ án tại phiên tòa để được Hội đồng xét xử xem xét.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã kéo dài; cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H không có thiện chí hàn gắn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có hai người con chung là K, sinh ngày 05/5/2005, giới tính nam và B, sinh ngày 31/7/2013, giới tính nam, đang được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được nuôi con, anh H không có ý kiến gì.

Xét thấy, hiện tại cháu K và cháu B được chị L chăm sóc tốt, cháu K có nguyện vọng sống chung với chị L. Chị L đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con; anh H không có ý kiến gì về việc nuôi các con, anh H cũng ít có ở nhà để chăm sóc, giáo dục các con. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu K và B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở. Trường hợp chị L vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Chị L và anh H không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản: Chị L khai anh chị tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu giải quyết; anh H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Chị L khai anh chị có nợ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T 90.000.000 đồng. Nhưng chị L và Quỹ tín dụng thỏa thuận số nợ này chị L sẽ chịu trách nhiệm trả khi đến hạn; Quỹ tín dụng không khởi kiện yêu cầu trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L đối với anh H. Chị L được ly hôn với anh H.

2- Về con chung: Giao K, sinh ngày 05/5/2005 và B, sinh ngày 31/7/2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị L vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Án phí sơ thẩm: Chị L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005623 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Trường Hận